TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14-AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lê Bảo Trúc

2. Bà Huỳnh Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thuý Duy là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14-An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-An Giang: Ông Chau Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026, về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 640/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 704/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Diễm N, sinh năm 1992 (có mặt); địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã T, tỉnh An Giang; Số CCCD: 089192025511.

2. Bị đơn: Bùi Hoàng G, sinh năm 1989 (vắng mặt); địa chỉ: Ấp A, xã B, tỉnh An Giang; Số CCCD: 089089012562.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần Thị Diễm N trình bày:

Bà N và ông G có thời gian quen biết nhau do tự tìm hiểu, sau đó tổ chức lễ cưới về chung sống có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2025. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn do ông G thường xuyên bỏ bê vợ, con không lo đi làm phụ tiếp kinh tế gia đình, suốt ngày chỉ thích tụ tập bạn bè ăn nhậu, tính tình không còn phù hợp, thường xuyên

cãi nhau bà N lên tiếng khuyên bảo lo làm ăn nuôi vợ con nhưng ông G thường xuyên bỏ mặc vợ con không chăm lo, tình cảm vợ chồng rạn nứt thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ tháng 03 năm 2026 cho đến nay. Bà N không còn tình cảm kiên quyết ly hôn với ông G.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Hoàng A, sinh ngày 02/7/2025 bà N đang nuôi dưỡng, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên toà, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Bùi Hoàng G vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-An Giang phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nhận thấy nguyên đơn và bị đơn chung sống có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2025, đến cuối năm 2025 phát sinh mâu thuẫn hai bên đã ly thân từ tháng 3/2026 cho đến nay chưa về chung sống lại, cho thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Hoàng A, sinh ngày 02/7/2025 hiện bà N đang nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, xét yêu cầu của bà N là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà N nuôi dưỡng và buộc ông G phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 13 tháng 5 năm 2026 bà Trần Thị Diễm N có đơn yêu cầu ly hôn với ông Bùi Hoàng G và yêu cầu giải quyết về con chung, ông G cư trú tại xã B, tỉnh An Giang. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14-An

Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 17/7/2026 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 704/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 và tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Diễm N và ông Bùi Hoàng G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 11/8/2025 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà N và ông G được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà N yêu cầu ly hôn với ông G.

Xét thấy, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa bà N và ông G đã trầm trọng đến mức dẫn đến ly thân, bà N và ông G bỏ mặc nhau tự sống, không còn sự yêu thương, chia sẻ quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông G có kéo dài cũng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không thể đạt được, bà N yêu cầu ly hôn, ông G lại liên tục vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án, không tạo cơ hội để hòa giải với bà N tìm cách duy trì, hàn gắn lại tình cảm hôn nhân. Từ đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn với ông G là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà N và ông G có 01 con chung tên Bùi Hoàng A, sinh ngày 02/7/2025. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Tại phiên toà bà N thay đổi yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con của bà N không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự. Về con chung, xét thấy con chung hiện tại vẫn đang dưới 36 tháng tuổi việc giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên được xem xét, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được nuôi dưỡng con chung, ông G không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình và ông G có quyền thăm con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Bà Trần Thị Diễm N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 5, Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2, 3 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình"

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Diễm N. Bà Trần Thị Diễm N được ly hôn với ông Bùi Hoàng G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2025 ngày 11/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Trần Thị Diễm N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Bùi Hoàng A, sinh ngày 02/7/2025.

Buộc ông Bùi Hoàng G phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, với mức cấp dưỡng là 1.850.000 đồng/tháng. Thời gian thực hiện cấp dưỡng được tính kể từ ngày 30-7-2026 cho đến khi Bùi Hoàng A thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Ông G có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Bùi Hoàng A được sống chung với bà N, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của bà N.

Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, bà N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông G lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định

việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Diễm N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 307193 ngày 20-5-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Trần Thị Diễm N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 14-An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Tri Tôn
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng